TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2022/DS-PT
Ngày 01 – 6 – 2022
V/v yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung.

Bà Châu Minh Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Bùi Trung Biển– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

2. Anh Lê Thanh C1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị P2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

6. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C ..

7. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Q ..

8. Anh Nguyễn Đức Q1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thị Thuyết, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, phường Q, thị x, tỉnh Q .

10. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cà M (vắng mặt).

11. Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C (vắng mặt).

12. Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Năm C4 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

13. Ông Trần Hữu T1 (vắng mặt).

14. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1982 (vắng mặt) và chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1985 (vắng mặt).

15. Ông Nguyễn Văn Q2 (vắng mặt) và bà Phạm Thị N2 (vắng mặt).

16. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1963 (vắng mặt) và bà Bùi Thị T2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

17. Ông Trần Văn Nhiều (Trần Thanh N3, sinh năm 1959 (vắng mặt) và bà Lê Thị B2, sinh năm 1960 (vắng mặt).

18. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1980 (vắng mặt) và chị Tô Thị H3, sinh năm 1982 (vắng mặt).

19. Ông Nguyễn Đức N4, sinh năm 1966 (vắng mặt) và bà Trương Hồng Huệ (Trương Thị H4, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

20. Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1974 (vắng mặt) và chị Lâm Thị Ngọc H5, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện N, tỉnh C ..

21. Anh Tạ Văn T4, sinh năm 1981 (vắng mặt) và chị Phạm Nguyệt L2, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

22. Anh Nguyễn Xuân X, sinh năm 1985 (vắng mặt) và chị Chu Thị H6, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị t, huyện N, tỉnh C ..

23. Ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1969 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1981 (vắng mặt).

24. Anh Phan Quốc T5, sinh năm 1980 (vắng mặt) và chị Huỳnh Thị Giàu H9, sinh năm 1981 (vắng mặt).

25. Anh Trương Minh L3, sinh năm 1980 (vắng mặt) và chị Trương Thị Bích N5, sinh năm 1985 (vắng mặt).

26. Anh Thái Minh C5, sinh năm 1979 (vắng mặt).

27. Ông Trần Thanh T6, sinh năm 1954 (có mặt).

28. Anh Trần Văn T7, sinh năm 1978 (vắng mặt).

29. Ông Trần Văn S2 (vắng mặt) và bà Thái Thị Lệ Q3, sinh năm 1976 (vắng mặt).

30. Ông Nguyễn Hữu H10, sinh năm 1972 (vắng mặt) và bà Dương Thị Mỹ H11, sinh năm 1971 (vắng mặt).

31. Anh Nguyễn Văn L4, sinh năm 1999 (vắng mặt).

32. Chị Lâm Thị Bích P3 (vắng mặt) và anh Ngô Trung S3 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo, Kháng nghị*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V; Bị đơn ông Nguyễn Văn P1; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:* Bà V và ông Nguyễn Đức Liệu (chết ngày 12/10/2011) chung sống với nhau năm 1984 không đăng ký kết hôn, ông Liệu có vợ trước là bà Nguyễn Thị Phần.

Trước khi chung sống với ông Liệu, bà V có chồng là Trương Ngọc Anh và có 05 người con và đang mang thai ông B1 (Hiện nay ông Ngọc Anh sinh sống ở đâu bà V không biết). Quá trình chung sống bà V với ông Liệu không có con chung và có tạo lập tài sản chung bao gồm quyền sử dụng (QSD) đất diện tích 11.316,7m^2, thuộc thửa số 161 tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và tiền bồi thường giải phóng mặt bằng là 1.588.098.090 đồng do làm đường Hồ Chí Minh ngang phần đất, nhưng sau đó bà V rút lại một phần, chỉ yêu cầu chia diện tích đất 5.492,6m^2. Phần đất hiện nay ông Nguyễn Văn P1 là con riêng ông Liệu quản lý một phần, còn lại một phần ông Liệu và ông P1 đã chuyển nhượng cho người khác, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng anh N1 nhận 321.348.165 đồng, anh C1 nhận 264.292.145 đồng, ông P1 nhận 352.320.170 đồng, phần ông Liệu 650.048.600 đồng chưa nhận vì có tranh chấp.

Đối với ông B1 là con riêng của bà, không phải là con ruột của ông Liệu, nhưng quá trình chung sống với ông Liệu từ năm 1984 cho đến khi ông Liệu chết thì ông Liệu xem ông B1 là con ruột của ông Liệu. Do đó, bà xác định ông B1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Liệu.

Sau khi ông Liệu chết, bà V khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với ông Nguyễn Đức Liệu và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 4.282m^2 phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, hiện nay ông P1, vợ chồng anh C1, vợ chồng anh N1 đang quản lý; yêu cầu chia tiền bồi thường là 1.588.098.909 đồng (trong đó bà V yêu cầu chia ½ diện tích đất và 01 kỷ phần của ông Liệu để lại; ½ số tiền bồi thường và 01 kỷ phần tiền ông Liệu để lại).

Số tiền dự nộp theo đơn khởi kiện trước đây của bà V bằng 19.975.257 đồng theo biên lai thu tiền số 0014447 ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn bà đã nhận lại xong khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn P1 trình bày*: Anh là con ruột của ông Nguyễn Đức Liệu (chết ngày 12/10/2011) và bà Nguyễn Thị Phần (chết ngày 04/7/1997). Ông P1 có 06 anh chị em ruột bao gồm: Chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H1, em Nguyễn Đức Q1, em Nguyễn Thị L1 và em Nguyễn Thị Thuyết.

Ông Liệu đến thị trấn Năm Căn vào năm 1987 và sinh sống tại đây, đến năm 2011 do bệnh nặng nên về quê Quảng Bình ở đến khi chết. Ông Liệu chết để lại tài sản là 02 căn nhà cấp 4 tại Khóm 3, thị trấn Năm Căn, bà V quản lý một căn nhà, ông B1 quản lý 01 căn nhà, phần tài sản này ông P1 không yêu cầu.

Đối với phần đất bà V yêu cầu chia có nguồn gốc là do ông Liệu ký hợp đồng thuê của Hải quân vùng 5 K51, loại đất nuôi trồng thủy sản (NTTS), diện tích 02 héc ta, ông P1 canh tác phần đất này từ năm 1990, đến năm 1994 ông Liệu làm giấy ủy quyền cho ông P1 quản lý nhà và đất.

Trên phần đất hiện nay có nhà của vợ chồng chị H1, Nguyên và vợ chồng Phú. Từ thời điểm canh tác đến khi xảy ra tranh chấp ông P1 có đầu tư vào phần đất khoảng 250.000.000 đồng. Hiện nay phần đất có đường Hồ Chí Minh ngang qua nên được bồi thường. Tiền bồi thường của ông P1, anh N1 và anh C1 đã nhận đủ; tiền bồi thường của ông Liệu có tranh chấp nhưng anh đã nhận xong sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nay ông P1 xác định đất tranh chấp là của ông Liệu hợp đồng thuê với đơn vị K51 nhưng trên thực tế ông P1 quản lý canh tác, sau khi hết hợp đồng năm 1995 không ai lấy lại nên ông P1 tự bao chiếm phần đất này cho đến nay. Mặt khác bà V không phải là vợ của ông Liệu, vì cha mẹ anh chưa ly hôn với nhau và ông B1 không phải là con của ông Liệu với bà V, Bi là con của bà V với một người khác. Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V và ông B1.

Phần đất bà V yêu cầu chia thừa kế không có thay đổi hiện trạng gì so với trước đây và phần đất ông B1 yêu cầu phân chia thừa kế diện tích 1.828,9m^2 hiện do anh đang quản lý và sử dụng, không có công trình kiến trúc gì trên đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 trình bày:* Anh không phải là con ruột của ông Liệu nên không đồng ý giám định AND để xác định anh có phải con ruột của ông Liệu hay không. Anh thống nhất lời trình bày của bà V mẹ anh nêu trên là đúng và anh thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Liệu.

Trước đây, anh khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Liệu phần đất diện tích 2.141m^2 tọa lạc tại Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ., hiện nay ông P1, vợ chồng anh C1, vợ chồng anh N1 đang quản lý; tiền bồi thường là 103.444.297 đồng (trong đó gồm 01 kỷ phần của diện tích đất 2.141m^2; 01 kỷ phần của số tiền 724.110.080 đồng).

Tuy nhiên, nay anh thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu chia thừa kế thành 07 kỷ phần, anh nhận giá trị của 01 kỷ phần (giá đất theo chứng thư thẩm định giá ngày 15/5/2019 (BL 2335 -2365), phần đất thửa 12 diện tích 1.828,9m^2 theo Trích đo hiện trạng ngày 21/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quang trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, phần đất này ông P1 là người đang quản lý, hiện nay chưa xây dựng công trình kiến trúc gì trên đất và tiền bồi thường là 103.444.297 đồng hiện ông P1 đang quản lý.

Tất cả các diện tích đất còn lại theo Trích đo hiện trạng ngày 21/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quang trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau anh không yêu cầu phân chia.

Số tiền dự nộp theo đơn khởi kiện trước đây của anh bằng 2.541.400 đồng, anh đã nhận lại xong khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn Văn N1 trình bày: Năm 1992 vợ chồng chị L1 canh tác trên phần đất tọa lạc tại Khóm 3, thị trấn Năm Căn có chiều rộng 6m dài 100m, theo ý kiến của cha là ông Nguyễn Đức Liệu. Năm 2000 vợ chồng chị L1 xây dựng nhà cấp 4 trên phần đất, có sự chứng kiến của ông Liệu và bà Nguyễn Thị V. Năm 2009 gia đình có mở cuộc họp chia đất cho các thành viên trong gia đình, cũng như lúc đầu chị L1 được tiếp tục sử dụng phần đất này và đã xây dựng 08 phòng trọ. Nhà nước giải tỏa làm đường Hồ Chí Minh gia đình chị L1 được bồi thường tiền và vợ chồng đã nhận tiền đủ, hiện nhà trọ đang kinh doanh bình thường.

Đối với phần đất hiện nay có căn nhà ở của vợ chồng chị L1 nằm cặp sông Xẻo Nạn là do nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Nguyễn Thị H1 vào năm 2010 giá 90.000.000 đồng, chiều rộng 6m dài từ đường Hồ Chí Minh đến sông Xẻo Nạn. Nguồn gốc là do chị H1 tự bao chiếm vào năm 1990, khi chuyển nhượng trên phần đất có căn nhà. Năm 2014 xây dựng mới căn nhà cấp 4 ngang 5m dài 12m (02m nền đất, 10m đổ sàn bê tông), giá trị hiện tại theo giá thị trường là khoảng 1,2 tỷ đồng.

Nay anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V và ông B1, vì bà V không phải vợ của ông Liệu, ông B1 không phải là con ruột của ông Liệu, chị L1 chỉ có 06 anh chị em ruột gồm chị H2, chị H1, ông P1, em Thuyết, em Quy và chị L1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh C1 đồng trình bày: Chị H1 là con ruột ông Liệu và bà Phần, chị có 06 anh chị em ruột, ông B1 không phải con ruột của ông Liệu, bà V không phải là vợ ông Liệu. Chị H1 được ông Liệu cho phần đất 06m chiều rộng dài 100m, đường Hồ Chí Minh ngang qua đất chị được bồi thường và đã nhận đủ tiền. Nay bà V yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế; ông B1 yêu cầu chia thừa kế chị H1 không đồng ý.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P2 trình bày***:** Năm 1998 chị P2 về chung sống với ông P1 đã có phần đất này, từ khi chung sống có đầu tư cải tạo, có xây dựng nhà cấp 4 trên phần đất. Nay không đồng ý với yêu cầu của bà V, vì không biết bà V là ai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức Q1 trình bày: Uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn P1 toàn quyền tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án, không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thuyết trình bày: Chị là con của ông Nguyễn Đức Liệu, bà Nguyễn Thị Phần, cha mẹ chị có đăng ký kết hôn năm 1963 và có 06 người con chung, bà Phần mất năm 1997, ông Liệu mất năm 2011. Chị không biết ông Nguyễn Văn B1 và bà V là ai, họ hàng thân tộc không thừa nhận ông B1 là con riêng của ông Liệu. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V không đồng ý, nay ủy quyền toàn bộ cho anh ruột là Phú tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án, không có ý kiến khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Chị H2 là con ông Liệu, bà Phần; cha mẹ chị có 06 người con, bà V cho rằng ông B1 là con của ông Liệu với bà V là không đúng sự thật, bởi năm 1985 ông Liệu và bà Phần làm ăn ở Phan Thiết, bà V ở Cà Mau thì làm sao quen biết có con sinh năm

1985. Chị không thừa nhận ông B1 là con của ông Liệu, họ hàng cũng không ai thừa nhận ông B1 là con ông Liệu. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V không đồng ý, nay ủy quyền toàn bộ cho em ruột là Phú tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án, không có ý kiến khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cà M, người đại diện theo pháp luật trình bày:* Phần đất bà V, ông P1 tranh chấp với nhau trước đây nằm trong đất quốc phòng mà K51 giao lại, Bộ chỉ huy quân sự được cấp giấy chứng nhận QSD đất và đã giao cho Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C trực tiếp quản lý, sử dụng. Trong phần đất các đương sự tranh chấp có 4.841m^2 là đất quốc phòng, khi nào quốc phòng có nhu cầu sử dụng thì ông P1 phải giao trả lại, vì ông P1 canh tác không thu tiền đất, Bộ chỉ huy quân sự sẽ không bồi hoàn thành quả lao động cho ông P1, vì ông Liệu là cha ông P1 cam kết khi nào lấy lại xây doanh trại thì ông giao trả không yêu cầu gì.

- *Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C, người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 20/01/1990, ông Nguyễn Đức Liệu ký hợp đồng số 26 với Hải Quân Vùng Năm K51 về việc ký hợp đồng thuê đất làm vuông tôm, năm 1992 đơn vị K51 giao lại Huyện đội quản lý, năm 1995 đã hết hợp đồng. Năm 2008 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã thu hồi giao về Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn quản lý diện tích 204.785,9m^2. Trong đó có 6.490m^2 đất nuôi trồng thủy sản mà ông Liệu hợp đồng với Hải quân K51, đơn vị bàn giao lại cho địa phương không còn liên quan đến phần đất này.

Phần đất ông Liệu ký hợp đồng, nhưng từ năm 1996 ông Nguyễn Văn P1 con ông Liệu được ông Liệu ủy quyền toàn bộ phần đất hợp đồng với K51, tiếp tục canh tác cho đến nay. Năm 2010 Sở Tài nguyên & Môi trường cấp đổi lại giấy chứng nhận QSD đất, theo giấy chứng nhận số CT: 000195 thửa số 24 tờ bản đồ số 38; Số: CT 000196 thửa số 44 tờ bản đồ số 36, tổng diện tích 946.918,5m^2 cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau, trong đó có phần diện tích 4.841 m^2 do ông P1 canh tác quản lý.

Hiện nay phần đất này đã bơm cát có bản vẽ, ông P1 cho rằng nếu lấy lại thì phải bồi hoàn thành quả đầu tư trên đất; do phần đất này ông Liệu ký hợp đồng thuê với K51, sau khi K51 giao lại cho huyện đội thì ông Liệu có cam kết khi nào lấy lại xây doanh trại thì sẽ giao trả và không đặt ra yêu cầu gì. Nay yêu cầu ông P1 giao trả lại cho huyện đội là 4.841m^2, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng không liên quan nên không yêu cầu.

- *Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, người đại diện theo pháp luật trình bày*: UBND thị trấn Năm Căn được UBND tỉnh Cà Mau giao quản lý phần đất tại khóm 3, thị trấn Năm Căn theo quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2008, khi nhận đất UBND thị trấn Năm Căn có kiểm tra lại hiện trạng, nhưng không lập biên bản, thời điểm nhận đất thì toàn bộ khu đất này có người quản lý và sử dụng từ năm 1988 đến nay. Theo số liệu bản đồ, sổ mục kê đăng ký đất đai năm 2012 do đơn vị tư vấn lập thì toàn bộ khu đất bà V, ông P1 tranh chấp thuộc tờ bản đồ 56, cụ thể: Phần đất ông P1 thuộc thửa số 163 diện tích 774m^2, thửa 74 diện tích 50,4m^2; anh N1 thửa số 164 diện tích 493,5m^2 và thửa 72 diện tích 39,9m^2; anh C1 thửa số 162 diện tích 458,8m^2 và thửa số 75 diện tích 17,7m^2; ông Liệu thửa 161 diện tích 1.693,3m^2 (do ghi nhầm là Nguyễn Đức Thắng thực tế là phần đất của ông Liệu) và thửa số 78 diện tích 76,8m^2. Do các hộ đang quản lý canh tác có tên

trong phương án đền bù giải tỏa và UBND huyện ra quyết định thu hồi đất nên được nhận tiền đền bù giải tỏa, số tiền đền bù giải tỏa của các hộ này đã nhận UBND thị trấn không đặt ra yêu cầu, nếu đất không tranh chấp được làm thủ tục đề nghị cấp QSD đất.

- *Vợ chồng ông Nguyễn Văn S1 và bà Bùi Thị T2 trình bày:* Tháng 6 năm 2011 vợ chồng ông S1 có nhận chuyển nhượng của ông Liệu phần đất ở khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Phần đất này hiện nay bà V có tranh chấp với ông P1. Diện tích phần đất có chiều rộng 4,5m chiều dài từ đường Hồ Chí Minh đến kênh Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 44.000.000 đồng. Vị trí: Phía Đông giáp đất anh K, phía Tây giáp đất anh N1, chị L1, phía Bắc giáp sông Xẻo Nạn, phía Nam giáp đường Hồ Chí Minh, đôi bên có viết giấy tay có xác nhận trưởng khóm. Sau khi sang nhượng ông bà đổ đất đắp nền dài khoảng 12m với số tiền 14.000.000 đồng, giá hiện tại khoảng 300.000.000 đồng. Nay bà V khởi kiện đòi trả đất để chia, vợ chồng ông S1 không đồng ý, vì vợ chồng ông không biết bà V là ai.

- *Vợ chồng ông Trần Văn Nhiều và bà Lê Thị B2 trình bày:* Năm 2004 vợ chồng ông Nhiều có nhận sang nhượng phần đất của ông Liệu chiều rộng 4m, dài từ đường Hồ Chí Minh giáp sông Xẻo Nạn, giá sang nhượng 10.000.000 đồng, có lập giấy chuyển nhượng viết tay, có bàn cận kế cận ký chứng kiến. Vị trí phần đất: Phía Đông giáp bà L1, phía Tây giáp ông N4, phía Nam giáp đường Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp sông Xẻo Nạn, hiện nay trên phần đất vợ chồng ông Nhiều có căn nhà cấp 4, đất chưa có giấy chứng nhận QSD đất. Nay đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà V, vì không thấy bà V canh tác trên phần đất này.

- *Vợ chồng anh Phạm Văn T3, chị Tô Thị H3 trình bày:* Ngày 29 tháng 12 năm 2014 anh chị có mua nền nhà của ông P1 giá chuyển nhượng 55.000.000 đồng, diện tích chiều rộng 4,5m dài tính từ đường Hồ Chí Minh đến lộ nhỏ trước nhà ông Nhiều. Vị trí: Phía Đông giáp đất chị L1, phía Tây giáp đất ông N4, phía Bắc giáp đường bê tông (trước nhà ông N3, phần đất chưa xây dựng chỉ cuốn nền đổ đất 11.000.000 đồng, cuốn nền 04m chiều rộng, vì để lại 0,5 m cặp nhà chị L1, anh N1 cho ông Nhiều làm đường đi vào nhà. Trường hợp yêu cầu của bà V được chấp nhận anh chị yêu cầu trả lại tiền sang đất và tiền đầu tư trên đất là 66.000.000 đồng.

- *Vợ chồng ông Nguyễn Đức N4 và bà Trương Thị Huệ trình bày:* Năm 2011 vợ chồng ông N4 có nhận chuyển nhượng của ông Liệu một phần đất ở (nền đất trống) tại khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn chiều rộng 8,3m dài từ đường Hồ Chí Minh đến Sông Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 60.000.000 đồng, đôi bên lập giấy tay, có chính quyền địa phương chứng kiến. Năm 2014 vợ chồng ông N4 xây nhà cấp 4 trên phần đất, căn nhà ngang 8,3m dài 19m; giá trị xây dựng khoảng 600.000.000 đồng, phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Khi nhận sang nhượng đất không có tranh chấp nên ông bà mới nhận chuyển nhượng và khi xây dựng nhà bà V cũng không có ý kiến. Nay bà V cho rằng đây là tài sản của bà V với ông Liệu và có yêu cầu đòi lại ông bà không chấp nhận.

- *Vợ chồng anh Phạm Ngọc D, chị Lâm Thị Ngọc H5 đồng trình bày:* Anh chị có nhận sang nhượng hai phần đất ở, một phần sang của vợ chồng ông H7 giá 345.000.000 đồng, diện tích 4,9m chiều rộng, dài từ đường Hồ Chí Minh đến Sông Xẻo Nạn, nguồn gốc ông H7 nhận sang nhượng của ông P1; Phần đất thứ hai nằm

cạnh phần đất thứ nhất; phần đất này đổi với vợ chồng ông T4 bù cho anh T4 100.000.000 đồng, chiều rộng 04m dài từ đường Hồ Chí Minh đến sông Xẻo Nạn, nguồn gốc ông P1 chuyển nhượng cho vợ chồng anh X, anh X chuyển nhượng cho vợ chồng anh T4, giá trị đất hiện tại là khoảng 1.200.000.000 đồng. Do không biết đất này có tranh chấp nên mới nhận chuyển nhượng, trên đất hiện xây dựng 01 căn nhà tiền chế vào tháng 5 năm 2019, diện tích ngang mặt tiền 8,18m, ngang mặt hậu 8,65m, dài 6,97m. Trường hợp yêu cầu bà V được chấp nhận thì yêu cầu ông P1 giao tiền cho bà V, nay anh chị yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này cho vợ chồng anh chị.

- *Anh Tạ Văn T4 trình bày:* Cách nay khoảng 3 – 4 năm nhớ không chính xác, anh có nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Xuân X một phần đất diện tích chiều ngang 4,5m dài từ đường Hồ Chí Minh đến Kênh Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 45.000.000 đồng đôi bên có lập giấy tay. Năm 2016 ông đổi với ông Phạm Ngọc D để nhận phần đất khác của ông D chứ không có mua bán.

- *Anh Nguyễn Xuân X trình bày:* Khoảng cuối năm 2012 anh X có nhận chuyển nhượng phần đất của ông P1, chiều rộng 4,5m dài từ giữa sông Xẻo Nạn giáp với đường Hồ Chí Minh với giá 40.000.000 đồng, có viết giấy tay, chính quyền địa phương ký xác nhận. Năm 2013 anh X chuyển nhượng lại cho anh Tạ Văn T4.

- *Ông Nguyễn Văn H7 trình bày:* Khoảng năm 2008 ông có nhận chuyển nhượng của ông P1 một phần đất diện tích chiều rộng 4,9m dài từ đường Hồ Chí Minh đến Kênh Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 30.000.000 đồng, đến năm 2015 ông sang lại cho ông D giá 150.000.000 đồng, việc mua bán chỉ có lập giấy tay, có trưởng khóm ký xác nhận.

- *Vợ chồng anh Phan Quốc T5, chị Huỳnh Thị Giàu H9 đồng trình bày:* Năm 2015 vợ chồng anh T5 có nhận chuyển nhượng phần đất của anh Trương Minh L3 ngang 04m dài 25m, giá 400.000.000 đồng. Vị trí: Phía Đông giáp phần đất ông D, phía Tây giáp đất ông Tý (trước đây là ông T6), phía Nam giáp đường Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp kênh Xẻo Nạn, trên phần đất có xây dựng căn nhà cấp 4 dài 17,5m ngang 4m. Nguồn gốc phần đất là năm 2011 ông L3 nhận chuyển nhượng của ông P1. Từ khi nhận chuyển nhượng nhà và đất đến nay anh chị có đầu tư sửa chữa nhà chi phí khoảng 200.000.000 đồng. Nay đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà V, vì khi nhận sang nhượng, sửa chữa nhà bà V biết nhưng không ngăn cản hay có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp với ai.

- *Anh Trương Minh L3 trình bày:* Năm 2011 có nhận chuyển nhượng của ông P1 phần đất diện tích chiều ngang 4m dài từ đường Hồ Chí Minh đến kênh Xẻo Nạn, với giá 39.000.000 đồng. Khoảng tháng 2 -3 năm 2016 chuyển nhượng cho ông T5 với giá 390.000.000 đồng.

- *Anh Thái Minh C5 trình bày:* Năm 2000 anh C5 có sang nhượng phần đất của ông Nguyễn Quốc Thống, chiều ngang 12m, vị trí: Hướng Đông giáp Trần Thanh T6 (Trần Văn T7), hướng Tây giáp ông Lương Văn Vui, hướng Nam giáp sân bay Năm Căn, hướng Bắc giáp kênh Xẻo Nạn. Năm 2009 tặng cho anh Trần Văn T7 ngang 06m giáp ranh đất ông Liệu, anh T7 ủy quyền cho cha là ông Trần Thanh T6.

Đường Hồ Chí Minh đi ngang qua phần đất Nhà nước giải tỏa thu hồi có đền bù. Nay ông P1 cho rằng đất của ông P1 ngang 55m là không có cơ sở, bà V xác định 48,3m là phù hợp nên giữa anh với bà V thống nhất diện tích này, đề nghị Tòa án bác yêu cầu ông P1 về việc xác định chiều ngang đất là 55m, vì nếu như vậy là lấn ngang phần đất anh C5 0,7m và của ông T6 (anh T7) ngang 06m dài 72,4m đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Anh C5 có đơn yêu cầu độc lập, đến ngày 07/7/2016 anh C5 có đơn gửi đến Tòa án đề nghị rút lại đơn yêu cầu đối với ông P1, vì vụ việc của anh C5, anh T7 tranh chấp với ông P1 hiện nay UBND huyện Năm Căn đang giải quyết.

- *Ông Trần Thanh T6 trình bày:* Phần đất có tranh chấp giữa bà V, ông P1 là do ông T6 và cháu là Thái Minh C5 nhận chuyển nhượng của ông Thống vào năm 2000, với giá 7.500.000 đồng, do Chiến đứng tên trong giấy tờ, diện tích ngang 12m dài 100m; Vị trí: Phía Đông giáp đất ông Tư Liệu, phía Tây giáp Ba Châm, phía Bắc giáp kênh Xẻo Nạn, phía Nam giáp sân bay. Năm 2009 cắt chia làm 04 phần mỗi phần 06m ngang, tính từ đường Hồ Chí Minh đi về hướng Tây (Đất Mũi) thì phần bên vách trái Chiến và Tình sử dụng, phần bên vách phải dài giáp kênh Xẻo Nạn anh Việt và ông T6 quản lý.

Ông P1 xác định phần đất của ông Tư Liệu 55m như vậy lấn qua mất phần đất của anh T7 con trai ông là không đúng, đất ông Tư Liệu chỉ có 48,3m như bà V xác định là đúng.

- *Anh Trần Văn T7 trình bày*: Tranh chấp đất giữa bà V, ông P1 không liên quan đến anh, vì anh và anh C5 đang yêu cầu UBND huyện Năm Căn giải quyết tranh chấp với ông P1 nên từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt khi giải quyết vụ án.

- *Bà Thái Thị Lệ Q3 trình bày:* Năm 2005 vợ chồng bà Q1ên có nhận chuyển nhượng của anh N1, chị L1 diện tích đất ngang 4,5m, đôi bên có lập giấy tay, có ông Liệu ký tên đồng ý cho chuyển nhượng nhưng không đến cơ quan chức năng ký xác nhận, giá sang nhượng 15.000.000 đồng, năm 2009 vợ chồng bà Q1ên cất nhà cấp 4 trên phần đất, khi xây dựng nhà bà V cũng không có ý kiến. Khi nhận chuyển nhượng phần đất bà Q1ên với ông S1 còn sống chung, sau đó ly hôn ông bà thỏa thuận giao cho bà Q1ên quản lý, sử dụng nhà và đất; hiện nay ông S1 ở đâu không biết, bà V khởi kiện đòi lại phần đất bà Q1ên không đồng ý.

- *Ông Nguyễn Hữu H10 trình bày:* Năm 2013 vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Trần Hữu T1 (do ông Trần Minh Cảnh tặng cho Thiện, ông Cảnh đã chết), với giá 60.000.000 đồng, diện tích ngang 5m dài 22m. Vị trí: Phía Nam đường Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp kênh Xẻo Nạn, phía Đông giáp với ông S1 - bà Q1ên, phía Tây giáp ông K. Năm 2014 xây dựng nhà ngang 4,5m dài 17m nhà cấp 4, số tiền hơn 100.000.000 đồng. Khi sang nhượng có lập giấy tay, có địa phương xác nhận, xây dựng nhà cũng không ai cản trở và cũng không xảy ra tranh chấp với ai, nay bà V yêu cầu lấy lại đất không đồng ý, vì đất ông Liệu sang cho ông Cảnh và ông Cảnh cho con trai là Thiện. Nếu yêu cầu của bà V được chấp nhận phải hoàn trả lại giá trị bằng tiền đối với đất và nhà theo giá hiện nay.

- *Anh Nguyễn Quốc K, chị Nguyễn Thị Ngọc G đồng trình bày:* Tháng 3/2015 vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Văn Q2 diện tích ngang 04m dài 17m, giá chuyển nhượng 245.000.000 đồng. Vị trí phần

đất: Mặt tiền đường Hồ Chí Minh, hậu giáp sông Xẻo Nạn, mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất ông H10, vách trái giáp ông S1, khi sang nhượng có lập giấy tay có xác nhận của chính quyền địa phương. Nguồn gốc phần đất do ông Q1ết nhận chuyển nhượng của ông Liệu năm 2008.

Tháng 4 năm 2016 vợ chồng tôi xây dựng nhà cấp 4 trên phần đất, diện tích ngang 4m dài 17m đổ sàn pê tông, giá xây dựng 380.000.000 đồng, trước khi xây dựng có xin phép đô thị thị trấn, lúc xây dựng nhà bà V có ngăn cản nhưng sau đó đến thị trấn làm việc bà V có nói là đất sang của ông Liệu thì thôi, tính đâu sang của Phú thì không được xây dựng. Nay yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất của vợ chồng tôi với ông Q1ết là hợp pháp.

- *Cháu Nguyễn Văn L4 (con ông P1) trình bày*: Cháu là con ruột ông P1 và chị P2, từ nhỏ đã sinh sống cùng cha mẹ tại căn nhà cất trên phần đất có tranh chấp, hiện nay cháu còn đi học. Việc tranh chấp đất của cha là Nguyễn Văn P1 cháu không yêu cầu để tự cha quyết định.

- *Chị Lâm Thị Bích P3, anh Ngô Trung S3 (chồng bà P3) đồng ý kiến trình bày:* Ngày 15 tháng 5 năm 2018 vợ chồng chị P3, anh S3 có nhận chuyển nhượng nhà và đất ở của ông Phan Quốc Toản và bà Huỳnh Thị Giàu H9 tại khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mua nhà và đất của ông Toản, bà H9 thì vợ chồng chị P3 có làm giấy chuyển nhượng hợp pháp, được sự chứng kiến của bàn cận, kế cận và chính quyền địa phương xác nhận. Do đó giữa vợ chồng chị P3 và bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức Liệu không có liên quan trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019 DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử: *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc chia tài sản chung với ông Nguyễn Đức Liệu và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất 4.282m^2; Tiền bồi thường 1.588.098.909đ trong đó phần bà V là ½ diện tích đất và 01 kỷ phần của ông Liệu để lại.*

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Liệu .v…v.

Ngày 28/8/2019 bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn B1 kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn kháng nghị số 02/*QĐKNPT- VKS* đối với bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 337/2019/*DS-PT* ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: *Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn B1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018 ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.*

Ngày 10/02/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm. Ngày 29/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị giám đốc thẩm bản án dân sự phúc thẩm .

Tại quyết định số 211/*QĐKNGĐT-VKS-VP*, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, kháng nghị Giám đốc thẩm.

Tại quyết định Giám đốc thẩm số 259/2020/*DS-GĐT* ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định: *Hủy bản án dân*

sự dân sự phúc thẩm số 337/2019/DSPT ngày 24/12/2019 của tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019 DS-ST ngày 14/8/2019 của tòa án nhân dân huyện Năm Căn vụ án "yêu cầu chia tài sản chung; chia di sản thừa kế; tranh chấp quyền sử dụng đất". Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Năm căn giải quyết lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc kiện đòi chia tài sản chung với ông Nguyễn Đức Liệu và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 4.282m^2 phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, hiện nay ông P1, vợ chồng anh C1, vợ chồng anh N1 đang quản lý; tiền bồi thường là 1.588.098.909 đồng (trong đó bà V yêu cầu chia ½ diện tích đất và 01 kỷ phần của ông Liệu để lại; ½ số tiền bồi thường và 01 kỷ phần tiền ông Liệu để lại).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B1 yêu cầu chia thừa kế số tiền 724.110.080 đồng của ông Nguyễn Đức Liệu hiện ông P1 đang quản lý; ông B1 được chia 103.444.297 đồng và ông P1 được chia 620.665.783 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn P1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn B1 số tiền 103.444.297 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Liệu, phần đất diện tích 1.828,9m^2 tọa lạc tại Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C . hiện nay ông P1 đang quản lý.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đất của anh Thái Minh C5 và anh Trần Văn T7.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá, án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/01/2022, bà Nguyễn Thị V kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được nhận phần di sản đất chia theo hiện vật, không đồng ý nhận giá trị đất.

Ngày 20/01/2022, ông Nguyễn Văn B1 kháng cáo, yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Đức Liệu. Buộc Phú giao số tiền 669.779.909đ giá trị quyền sử dụng đất.

Ngày20/01/2022, ông Nguyễn Văn P1 kháng cáo xem xét số tiền 724.110.080đ không phải là di sản của ông Liệu để lại không đồng ý chia cho Nguyễn Văn B1.

Ngày 21/01/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn ra Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án số 02/2022/DS-ST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn. Lý do ông B1 được thừa kế theo Điều 676, 677 của Bộ luật Dân sự của ông Liệu nên được chia ngang nhau như con ruột. Phần đất diện tích 1.591,3m^2 là di sản của ông Liệu và số tiền bồi thường. Ông B1 vẫn được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn P1 và ông Nguyễn Văn B1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà: Các đương sự không có ý kiến tranh luận

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thể hiện tại hồ sơ; Tại bản án Giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cà Mau có thay đổi ý kiến rút lại toàn bộ kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện Năm Căn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc tranh chấp của các đương sự được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của TAND huyện Năm Căn và Bản án dân sự phúc thẩm số 337/2019/DS-PT ngày 24/12/2019 của TAND tỉnh Cà Mau. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 259/2020/DS-GĐT ngày 10/11/2020 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên. Do đó, các vấn đề có tranh chấp trong vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Thái Minh C5, anh Trần Văn T7 có yêu cầu độc lập nhưng có đơn yêu cầu rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu. Do đó cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh C5 và anh T7.

[2] Xét kháng cáo của bà V, ông B1, ông P1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn còn trong thời hạn luật định.

Theo bà V xác định năm 1997 bà Phần là vợ ông Liệu chết thì bà và ông Liệu chung sống với nhau đến năm 2010. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây do ông Liệu và bà V ký hợp đồng thuê đất nuôi trồng thủy sản với đơn vị K51 vào năm 1990, thời hạn thuê là 05 năm. Theo Hợp đồng thuê đất là do ông Liệu đứng ra ký kết, thời hạn 05 năm từ năm 1990 đến 1995 không có bà V tham gia, Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C khi được bàn giao từ K51 cũng xác định là do ông Liệu ký kết. Bà V cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh phần đất này là giữa bà và ông Liệu đứng ra ký kết với K51.

Thời điểm này ông Liệu đang có vợ là Nguyễn Thị Phần và 06 người con chung. Bà V có chồng là ông Nguyễn Ngọc Anh cũng có con. Vì vậy không có cơ sở xác định đây là tài sản chung giữa ông Liệu với bà V tạo lập.

Sau khi ông Liệu ký kết hợp đồng thuê đất 05 năm với K51 thì ông Liệu giao lại cho con là các anh, em ông P1 canh tác cho đến khi hết hạn hợp đồng, ông Liệu cũng không ký kết lại hợp đồng mới, như vậy hợp đồng đã kết thúc. Sau khi hết hợp đồng phía K51 cũng như Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C không lấy lại đất nên ông P1 tiếp tục quản lý, canh tác và sau đó giao lại cho Ban chỉ huy quân

sự huyện Năm C một phần, còn một phần Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn thu hồi theo Quyết định số 12/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Từ khi kết thúc hợp đồng thuê đất ông Liệu không được cơ quan có thẩm quyền cấp đất hay tiếp tục giao đất cho ông Liệu quản lý. Ông Liệu cũng không canh tác, trên đất, bà V cho rằng thời điểm này ông Liệu làm nghề lái ghe, tàu ông Liệu xác nhận văn bản trình bày ngày 12/12/2010 khi giải quyết ly hôn. Sổ Mục kê ghi nhầm Nguyễn Đức Thắng. Việc chia đất của ông Liệu năm 2009 là chưa đúng vì thời điểm này ông Liệu chưa được xác lập quyền sử dụng đất ttheo pháp luật. Mặt khác tại tờ di chúc ông Liệu cũng có chia cho ông B1 phần căn nhà tại khóm 3 thị trấn Năm Căn là căn nhà ông Liệu bà V ông B1 cùng sinh sống, xem như ông B1 cũng đã được chia nhà đất. Vì vậy, có cơ sở xác định sau khi hết hạn hợp đồng thì ông P1 là người trực tiếp đứng ra sử dụng và quản lý, không còn là của ông Liệu. Trong phần đất tranh chấp hiện ông P1 đang canh tác, quản lý 4.841m^2 là đất quốc phòng, khi nào quốc phòng có nhu cầu sử dụng thì ông P1 phải giao trả lại.

Việc bà V và ông B1 căn cứ vào sổ mục kê và biên bản họp gia đình để cho rằng đây là đất của ông Liệu là thiếu cơ sở, bởi theo Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn xác định sổ mục kê năm 2012 là do đơn vị tư vấn lập, thời điểm này ông Liệu đã chết. Do đó, bà V cho rằng đất tranh chấp là tài sản chung của bà với ông Liệu nên yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và ông B1 cho rằng đất là của ông Liệu để kiện chia thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với số tiền ông Liệu được nhà nước bồi thường 724.110.080 đồng thì thấy rằng: Tại sổ mục kê năm 2007 ông Liệu có kê khai đăng ký mục kê phần đất của mình có diện tích là 2.663,5m^2, thuộc một phần đất trước đây ông Liệu thuê của đơn vị K51. Đến năm 2012, Nhà nước xác định phần đất thu hồi, giải tỏa làm đường ghi nhận tại sổ mục kê thể hiện phần đất thu hồi thuộc một phần đất ông Liệu đã đăng ký năm 2007. Theo các quyết định số 438, 439, 440, 441/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND huyện Năm Căn thu hồi đất để xây dựng đường Hồ Chí Minh, có bồi thường 724.110.080 đồng cho ông Liệu. Do không có tài liệu chứng cứ, chứng minh bà V và ông Liệu đứng ra ký kết hợp đồng thuê đất với K51 nên số tiền bồi thường cũng không được xem là tài sản chung của ông Liệu và bà V. Nhưng số tiền này ông Liệu được nhà nước bồi thường và đứng tên ông Liệu là di sản của ông Liệu chết để lại. Khi chết ông Liệu không có di chúc nên phát sinh quyền thừa kế theo pháp luật, được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Liệu.

[4] Hàng thừa kế thứ nhất của ông Liệu gồm có 06 người con của ông Liệu và bà Phần. Ông B1 cho rằng mình thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Liệu. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 259/2020/DS-GĐT ngày 10/11/2020 của TAND cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm để giám định gen (AND) của ông B1 để xác định có phải con ruột của ông Liệu hay không. Ông B1 và bà V không đồng ý cung cấp mẫu AND, vì cho rằng ông B1 không phải con ruột của ông Liệu, ông B1 là con của bà V với người khác.

Việc bà V và ông B1 xác định ông B1 không phải con ruột của ông Liệu là phù hợp với lời thừa nhận của bà V và ông B1. Do đó, có cơ sở khẳng định ông B1 không phải con ruột của ông Liệu.

Ông B1 sống với ông Liệu từ lúc còn nhỏ cho đến khi ông Liệu chết. Giữa ông B1 và ông Liệu đã tồn tại quan hệ con riêng và bố dượng, được thể hiện qua Giấy đăng ký khai sinh, sổ hộ khẩu, học bạ…đều thể hiện ông B1 là con của ông Liệu và thực tế trước khi chết ông Liệu có lập di chúc để lại tài sản cho con là ông B1 căn nhà tại Khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn. Tại Điều 679 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế : *"Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật này*". Xét thấy giữa ông B1 và ông Liệu là quan hệ con riêng và bố dượng, có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian dài như cha con, nên ông B1 được phân chia thừa kế số tiền 103.444.297 đồng (724.110.080 đồng/07 kỷ phần) là có căn cứ.

Ông P1 là người đang quản lý số tiền 724.110.080 đồng nên phải có trách nhiệm giao lại cho ông B1 103.444.297 đồng; Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông B1 được chia số tiền 103.444.297 đồng là có cơ sở.

[5] Đối với phần đất nằm bên phải đường Hồ Chí Minh hướng đi Đất Mũi, theo bản vẽ. Bà V cho rằng phần này của bà và ông Liệu bao chiếm gồm các thửa 03, 04, 08, 09 tổng diện tích 564,8 m^2; thửa 1, 2, 5, 6, 7, 10, 11 theo mãnh trích đo hiện trạng. Xét thấy, tại công văn số 16/VPĐKQSDĐ ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã xác nhận: Phần đất nằm cặp sông Xẻo Nạn năm 1988 Nhà nước đưa cơ giới múc con kênh để phục vụ việc đi lại của bà con tránh đi đường sông Cửa lớn do sóng to, gió lớn, phần kênh xáng và bờ xáng này do Nhà nước quản lý không liên quan đến phần đất của Hải quân vùng 5 (K51) cho thuê. Nhưng sau đó có một số hộ dân đến cắm cây làm sàn xây dựng nhà ở, có một số hộ tự cắm rồi chuyển nhượng, không phải đất bà V và ông Liệu (bút lục 960). Do đó, bà V cho rằng là tài sản chung của bà với ông Liệu nên yêu cầu chia phần đất này là không có cơ sở chấp nhận

Tại sổ mục kê năm 2012 thể hiện phần đất ông Liệu kê khai thuộc thửa 161 và thửa 78 , sau khi bị thu hồi phần đất còn lại theo mãnh trích đo địa chính thể hiện diện tích đất còn lại là 1.591,3m^2 đã trừ hành lang lộ giới. Ông Liệu được ghi tên phần đất này trong sổ mục kê sổ địa chính. Song thời điểm này ông Liệu đã chết, trên thực tế ông Liệu hoàn toàn không quản lý sử dụng canh tác mà do ông P1 là con quản lý sử dụng . Việc bà V căn cứ vào sổ mục kê và biên bản họp gia đình để cho rằng đây là đất của ông Liệu là không có cơ sở bởi UBND huyện Năm Căn xác định sổ mục kê năm 2012 do Công ty tư vấn lập theo sổ cũ.

[6] Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút lại kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn là hoàn tòa phù hợp với các phân tích trên cho nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn .

[7] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản số tiền là 2.800.000 đồng + 30.000.000 đồng = 32.800.000 đồng. Do không chấp nhận yêu cầu của bà V nên bà V phải chịu toàn bộ theo chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng

dân sự, bà V đã nộp đủ không phải nộp tiếp. Ông P1 không phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản.

Anh Trần Văn T7 rút lại yêu cầu độc lập nên phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ số tiền là 34.390.000 đồng (BL 1995 - 1998), theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T7 đã nộp đủ nên không phải nộp tiếp.

Chi phí trưng cầu giám định ADN số tiền 800.000 đồng được phân chia cho ông P1 và ông B1 theo tỷ lệ % số tiền được nhận chia thừa kế, ông P1 phải chịu 688.000 đồng, ông P1 đã dự nộp xong. Ông B1 phải chịu 112.000 đồng, do ông P1 đã tạm ứng trước nên ông B1 có trách nhiệm giao trả lại cho ông P1 số tiền này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với anh C5 do rút lại yêu cầu khởi kiện nên án phí anh C5 được nhận lại toàn bộ.

Đối với số tiền dự nộp án phí của anh C5, bà V và ông B1 theo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của TAND huyện Năm Căn và Bản án dân sự phúc thẩm số 337/2019/DS-PT ngày 24/12/2019 của TAND tỉnh Cà Mau các đương sự đã nhận lại xong nên không xem xét giải quyết.

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án.

Ông B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.172.214 đồng (103.444.297 đồng x 5%) và 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch phần tài sản yêu cầu chia không được chấp nhận, tổng phải chịu 5.472.214 đồng; Ông P1 phải chịu 28.826.631 đồng (Số tiền được chia thừa kế 620.665.783 đồng = 20.000.000 đồng + 4% phần giá trị vượt 400.000.000 đồng).

[9] Án phí dân sự phúc thẩm ông B1, ông P1 phải chịu theo quy định pháp luật. Bà V được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn P1 và ông Nguyễn Văn B1.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc kiện đòi chia tài sản chung với ông Nguyễn Đức Liệu và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 4.282m^2 phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, hiện nay ông P1, vợ chồng anh C1, vợ chồng anh N1 đang quản lý; tiền bồi thường là 1.588.098.909 đồng (trong đó bà V yêu cầu chia ½ diện

tích đất và 01 kỷ phần của ông Liệu để lại; ½ số tiền bồi thường và 01 kỷ phần tiền ông Liệu để lại).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B1 yêu cầu chia thừa kế số tiền 724.110.080 đồng của ông Nguyễn Đức Liệu hiện ông P1 đang quản lý; ông B1 được chia 103.444.297 đồng và ông P1 được chia 620.665.783 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn P1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn B1 số tiền 103.444.297 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Liệu, phần đất diện tích 1.828,9m^2 (Chưa trừ hành lang diện tích 236,7m^2) tại Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C . hiện nay ông P1 đang quản lý.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của anh Thái Minh C5 và anh Trần Văn T7.

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc, thẩm định và định giá bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền là 32.800.000 đồng, bà V đã nộp đủ không phải nộp tiếp.

Anh Trần Văn T7 phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ số tiền là 34.390.000 đồng. Anh T7 đã nộp đủ nên không phải nộp tiếp.

Chi phí trưng cầu giám định ADN ông P1 phải chịu 688.000 đồng, ông P1 đã dự nộp xong; ông B1 phải chịu 112.000 đồng và ông B1 phải có trách nhiệm giao trả lại cho ông P1 số tiền này.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị V.

- Buộc ông Nguyễn Văn B1 phải chịu tổng số tiền 5.472.214 đồng (chưa nộp); ông Nguyễn Văn P1 phải chịu 28.826.631 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm Bà V, ông P1, ông B1 mỗi người phải chịu 300.000đ. Bà V là người cao tuổi đã được miễn nộp. Ngày 20/01/2022 ông B1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ (lai số 0015400) và ngày 24/01/2022 ông P1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ (lai số 0015399) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang